TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 138/2017/HNGĐ
Ngày: 12/5/2017
" *V/v Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Quang
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Minh Chiến
2. Bà Nguyễn Thị Thảo

- ***Thư ký phiên Tòa*:** Bà Nguyễn Thị Xuân Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 5 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 139/2017/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2017, về việc " Ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2017/QĐST- HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn***: Chị Phan Thị H, sinh năm 1976 (có mặt)

**** Bị đơn***: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm: 1972 (có mặt)

Đồng trú tại: đường S, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và các văn bản tố tụng nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:*** Chị và anh Nguyễn Văn P có thời gian tìm hiểu 02 năm rồi tự nguyện đi đến hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 1997 nhưng do không hiểu biết pháp luật nên đến năm 2016 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với cha mẹ chồng tại phường Đ, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 4 năm, đến năm 2001 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P không lo làm ăn mà chỉ biết ăn chơi cờ bạc, rượu chè, ngoài ra chị còn mâu thuẫn với mẹ chồng, bị mẹ chồng đuổi ra khỏi nhà, một thời gian sau anh P cũng đi theo sống chung với mẹ con chị. Đến năm 2013 vợ chồng mua đất cất nhà ở, sau khi cất nhà xong anh P bộc lộ bản chất, nói chị chết đi mầy hết giá trị lợi dụng rồi. Thời gian sau đó anh P thường xuyên chửi mắng xúc phạm danh dự chị và các con. Vì không thể chịu đựng được nên chị đã dẫn các con ra ngoài sống từ tháng 3/2017 cho đến

nay. Nay chị không còn tình cảm gì với anh P nữa nên yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh P để ổn định cuộc sống, làm ăn lo cho các con ăn học.

Về con chung: Chị và anh Ph có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Trúc V, sinh ngày 23/01/2001 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 06/11/2005, hiện 02 cháu đang ở với chị, ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

**** Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Văn P trình bày:*** Thống nhất như chị Phan Thị H trình bày về thời gian cưới, nơi đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống tại phường Đ, cuộc sống vợ chồng bình thường đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do công việc làm ăn của vợ chồng không được suôn sẻ, nợ nần nhiều dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Có lần vợ chồng cãi nhau thì H báo cáo chính quyền nhờ can thiệp mặc dù anh không có đánh đập H làm cho anh rất tức giận. Ngoài ra trong cuộc sống vợ chồng H rất lạnh nhạt với anh. H đã bỏ nhà đi từ ngày 21/3/2017 anh đã cố gắng liên lạc và tìm kiếm nhưng không biết H đang ở đâu. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với H mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng quay về chung sống cùng nuôi dưỡng 02 con.

Về con chung: Anh và chị H có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Trúc V, sinh ngày 23/01/2001 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 06/11/2005, hiện 02 cháu đang ở với chị H. Nếu ly hôn anh tôn trọng nguyện vọng của hai con. Nếu chị H không nuôi con thì giao cho anh nuôi.

Về tài sản chung: Anh và chị H tự thỏa thuận giải quyết nếu không thỏa thuận được thì anh sẽ yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Phan Thị H và anh Nguyễn Văn P trước khi xác lập quan hệ hôn nhân đã có thời gian dài tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã A, nên quan hệ hôn nhân của chị H và anh P hợp pháp là nền tảng của một gia đình hạnh phúc và cuộc hôn nhân của họ được pháp luật công nhận. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, giữa chị H, anh P phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Theo chị H xác định nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh Ph không lo làm ăn, thường xuyên chửi mắn, xúc phạm danh dự của chị và các con làm cho bầu không khí trong gia đình lúc nào cũng nặng nề ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Do không chịu đựng được nữa nên tháng 3/2017 chị dẫn các con ra ngoài sống. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh P nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh P. Còn anh Nguyễn Văn P xác định nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do công việc làm ăn của vợ chồng không được suôn sẻ, nợ nần nhiều dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra trong cuộc sống vợ chồng H rất lạnh nhạt với anh.

Tòa án đã hòa giải nhưng chị H vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn anh P. Tại phiên tòa trước thái độ kiên quyết của chị H nên anh P cũng đồng ý thuận tình ly hôn.

Xét thấy tình cảm vợ chồng của chị H và anh P không còn, vợ chồng sống không có hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng thực sự đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của hai anh chị.

[2] Về quan hệ con chung: Chị H và anh P có hai người con tên Nguyễn Thị Trúc V, sinh ngày 23/01/2001 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 06/11/2005. Tại phiên tòa, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 cháu V và K, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con còn anh P yêu cầu nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh K và giao cháu Nguyễn Thị Trúc V cho chị H nuôi dưỡng không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích cho cả hai bên về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con khi ly hôn nhưng Chị H và anh P không thỏa thuận được việc nuôi con. Xét yêu cầu của chị H và anh P Hội đồng xét xử thấy rằng: Qua làm việc với cháu V và cháu K thì nguyện vọng của hai cháu là muốn sống với chị H khi chị H và anh P ly hôn nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 cháu Nguyễn Thị Trúc V và Nguyễn Minh K cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh P.

[3] Về tài sản chung và nợ: Chị H, anh P không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phan Thị H phải chịu 300.000đ theo pháp lệnh lệ phí, án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 232, Điều 264, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58 Luật hôn nhân gia đình năm 2014

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị H và anh Nguyễn Văn P.

2. Về quan hệ con chung: Chị Phan Thị H và anh Nguyễn Văn P có 02 người con chung, giao 02 người con chung tên Nguyễn Thị Trúc V, sinh ngày 23/01/2001 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 06/11/2005 cho chị Phan Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh P vì chị H không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, theo yêu cầu của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó Tòa án có thể quyết định mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị H, anh P không yêu cầu Tòa giải quyết, nên miễn xét.

4. Về án phí: Chị Phan Thị H phải chịu 300.000đ trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 0002592 ngày 14/3/2017 của Chi cục thi hành án thị xã An Nhơn.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn nếu không đồng ý một phần hoặc toàn bộ Bản án có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Định;*
- *VKSND TX. An Nhơn;*
- *Chi cục THA TX. An Nhơn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Quang

5/Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.